

Số: /BVĐKĐN- HCQT
V/v mời báo giá (lần 2) dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý (tiêu hủy) tài sản, thuốc, vật tư y tế đề nghị hủy (đợt phòng, chống dịch COVID-19)

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

Kính gửi: Các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải quan tâm.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Văn bản xác nhận phân loại chất thải của Phòng Vật tư y tế và Khoa Vi sinh, ngày 10-11/8/2026 và Giấy xác nhận phân loại chất thải số 130/KD-BVĐKĐN ngày 04/8/2026 của Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai;

Căn cứ nhu cầu thực tế xử lý tài sản công, thuốc, vật tư y tế tồn kho thuộc chương trình phòng, chống dịch COVID-19 đã hết hạn sử dụng/không còn nhu cầu sử dụng,

Ngày 12/8/2026, Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai đã ban hành Công văn số 1496/BVĐKĐN-HCQT mời báo giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý (tiêu hủy) toàn bộ danh mục tài sản, thuốc, vật tư y tế nêu trên; tuy nhiên hết thời hạn nhận báo giá vẫn chưa có đơn vị nào gửi báo giá tham gia. Để tiếp tục tìm kiếm đơn vị đủ năng lực, chức năng thực hiện,

Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai kính mời các đơn vị có đủ năng lực, chức năng hành nghề quản lý chất thải theo quy định tham gia báo giá cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý (tiêu hủy) toàn bộ danh mục tài sản, thuốc, vật tư y tế đề nghị hủy nêu tại Phụ lục kèm theo Công văn này, cụ thể như sau:

1. Phạm vi công việc

Toàn bộ danh mục 92 khoản mục tài sản/thuốc/vật tư y tế đề nghị hủy (chi tiết tại Phụ lục đính kèm), đã được Phòng Vật tư y tế và Khoa Vi sinh xác nhận phân loại, bao gồm:

- 72 khoản mục chất thải rắn thông thường (không thuộc danh mục chất thải nguy hại);
- 15 khoản mục chất thải nguy hại (mã CTNH 13 01 02 và 13 03 02);
- 05 khoản mục thiết bị điện tử hỗn hợp, phải tháo dỡ tách riêng pin/ắc quy (mã CTNH 16 01 12) và thân máy/bo mạch điện tử (mã CTNH 16 01 13) trước khi xử lý.

2. Yêu cầu đối với đơn vị tham gia báo giá

- Có Giấy phép môi trường/Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại còn hiệu lực, phù hợp với các mã CTNH nêu trên (đối với phần khối lượng chất thải nguy hại và hỗn hợp);

- Có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định (đối với phần khối lượng còn lại);

- Báo giá trọn gói bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý/tiêu hủy và cung cấp đầy đủ biên bản bàn giao, chứng từ tiêu hủy hợp lệ theo quy định pháp luật hiện hành;

- Báo giá theo từng nhóm chất thải.

3. Hồ sơ báo giá bao gồm

- Báo giá chi tiết (theo từng nhóm/khoản mục);

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Bản sao Giấy phép môi trường/Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại (đối với phần báo giá chất thải nguy hại và hỗn hợp);

- Các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm liên quan (nếu có).

4. Thời hạn và địa điểm nhận báo giá

Thời hạn nộp báo giá: trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày Công văn này được đăng tải.

Địa điểm/hình thức nhận báo giá: Phòng Hành chính quản trị - Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai (địa chỉ: Phòng 313, tòa nhà A, Số 02 đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai) hoặc qua email: dakhoadongnai.bv@gmail.com ; điện thoại liên hệ: 0251 8825 609 - 0963091679.

Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai trân trọng thông báo và kính mời các đơn vị quan tâm gửi báo giá theo đúng thời hạn nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, HCQT.

(thuanqtt)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đinh Cao Minh

PHỤ LỤC
DANH MỤC TÀI SẢN, THUỐC, VẬT TƯ Y TẾ ĐỀ NGHỊ HỦY

(Kèm theo Công văn số/BVĐKĐN-HCQT ngày tháng năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai)

STT	Tên tài sản/thuốc/vật tư	ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng	Phân loại chất thải	Mã CTNH đề xuất
1	Avigan tablets (Favipiravir) 200mg	Viên	2	Khoa Dược	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - không phải CTNH bắt buộc)	Không có mã CTNH bắt buộc theo phân loại môi trường
2	Desrem (Remdesivir) 100mg	Lọ	62	Khoa Dược	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - không phải CTNH bắt buộc)	Không có mã CTNH bắt buộc theo phân loại môi trường
3	Movfor (Molnupiravir) 200mg	Viên	311	Khoa Dược	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - không phải CTNH bắt buộc)	Không có mã CTNH bắt buộc theo phân loại môi trường
4	Casirivimab and Imdevimab 120mg/ml	Lọ	20	Khoa Dược	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - không phải CTNH bắt buộc)	Không có mã CTNH bắt buộc theo phân loại môi trường
5	Desrem (Remdesivir) 100mg	Lọ	8957	Khoa Dược bảo quản cho SYT	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - không phải CTNH bắt buộc) □ HÀNG SYT BẢO QUẢN HỘ	Không có mã CTNH bắt buộc theo phân loại môi trường
6	Desrem (Remdesivir) 100mg	Lọ	5384	Khoa Dược bảo quản cho SYT	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - không phải CTNH bắt buộc) □ HÀNG SYT BẢO QUẢN HỘ	Không có mã CTNH bắt buộc theo phân loại môi trường
7	Movfor (Molnupiravir) 200mg	Viên	5384	Khoa Dược bảo quản cho SYT	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - không phải CTNH bắt buộc) □ HÀNG SYT BẢO QUẢN HỘ	Không có mã CTNH bắt buộc theo phân loại môi trường
8	Casirivimab and Imdevimab 120mg/ml	Lọ	15	Khoa Dược bảo quản cho SYT	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - không phải CTNH bắt buộc) □ HÀNG SYT BẢO QUẢN HỘ	Không có mã CTNH bắt buộc theo phân loại môi trường
9	06754155001LightCycler® Multiplex RNA Virus Master [G2L8.2021] (CĐT) LC Multi RNA Virus Master,200 (Roche, GERMANY)	test	5800	Vi sinh	CHẤT THẢI NGUY HẠI (đã xác nhận - Khoa Vi sinh)	13 01 02
10	Bộ xét nghiệm SARS-CoV- 2 RT-PCR Multiplex Diagnostic Kit [G2L1.2022 (CĐT)]	test	4500	Vi sinh	CHẤT THẢI NGUY HẠI (đã xác nhận - Khoa Vi sinh)	13 01 02
11	LightMix® Modular SARS-CoV-2 (COVID19) RdRP-gene (G2L5.2021)(CĐT) (Roche, ĐỨC)	test	2112	Vi sinh	CHẤT THẢI NGUY HẠI (đã xác nhận - Khoa Vi sinh)	13 01 02
12	Test kháng nguyên SARS-CoV-2 (HĐNT)	Test	510		CHẤT THẢI NGUY HẠI (đã xác nhận - Phòng VTYT)	13 01 02
13	Bộ kit xét nghiệm nhanh Covid 19: Humasis Covid-19 Ag test (NT)	Test	54		CHẤT THẢI NGUY HẠI (đã xác nhận - Phòng VTYT)	13 01 02
14	Khay thử xét nghiệm kháng nguyên vi rút SARV-CoV-2: Humasis (NT)	Test	19309	KHTH + Kho VTYT	CHẤT THẢI NGUY HẠI (đã xác nhận - Phòng VTYT)	13 01 02
15	Bộ test kháng nguyên Covid-19 (NT), Hàn Quốc	Test	14221	P. Vật tư	CHẤT THẢI NGUY HẠI (đã xác nhận - Phòng VTYT)	13 01 02

STT	Tên tài sản/thuốc/vật tư	ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng	Phân loại chất thải	Mã CTNH đề xuất
16	Bộ xét nghiệm phát hiện kháng nguyên SARS - CoV - 2 Genbody CODIV - 19 Ag [HT, 2023]	Test	401	P. Vật tư	CHẤT THẢI NGUY HẠI (đã xác nhận - Phòng VTYT)	13 01 02
17	Panbio Covid-19 Ag Rapid Test Device (NT)	Test	234	P. Vật tư	CHẤT THẢI NGUY HẠI (đã xác nhận - Phòng VTYT)	13 01 02
18	Test nhanh - SARS-CoV-2 BIOCREDIT COVID-19 Ag-Te [VT, 2022]	Test	3425	P. Vật tư	CHẤT THẢI NGUY HẠI (đã xác nhận - Phòng VTYT)	13 01 02
19	Test nhanh kháng nguyên SARS- CoV-2 BIOCREDIT COVID (Viện trợ), Hàn Quốc	Test	37	P. Vật tư	CHẤT THẢI NGUY HẠI (đã xác nhận - Phòng VTYT)	13 01 02
20	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên SARS-CoV-2 (Trueline Covid 19 Ag Rapid Test) (G2L3.2021)(CĐT), Việt Nam	Test	501	P. Vật tư	CHẤT THẢI NGUY HẠI (đã xác nhận - Phòng VTYT)	13 01 02
21	Ổng môi trường bảo quản vận chuyển virus [G2L8.2021] (CĐT) Môi trường vận chuyển vi rút (Shandong Chengwu Medical Products Factory, China)	Ổng	8600	Vi sinh	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
22	Bộ quần áo chống dịch 7 món	Bộ	60	Phụ Sản - Bệnh lý phụ khoa	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
23	Đồ chống dịch cấp 3	Bộ	21	Phụ Sản - Bệnh lý phụ khoa	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
24	Đồ chống dịch cấp 2	Bộ	113	Phụ Sản - Bệnh lý phụ khoa	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
25	Bộ quần áo chống dịch 7 món	Bộ	36	Khoa Cấp cứu sản	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
26	Đồ chống dịch cấp 2	Bộ	106	Khoa Cấp cứu sản	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
27	Tấm chắn giọt bắn(CĐT- G1L1-2022), Việt Nam	Cái	74	Khoa Cấp cứu sản	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
28	Áo choàng phòng dịch	Cái	61	Khoa sản - Bệnh lý sản khoa	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
29	Áo choàng phòng dịch	Cái	162	Phòng Sanh	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
30	Đồ chống dịch cấp 2	Bộ	290	Phòng Sanh	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
31	Đồ chống dịch cấp 3	Bộ	86	Phòng Sanh	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
32	Áo choàng phòng dịch	Bộ	90	Phụ sản - P. Khám Sản	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
33	Bộ quần áo phòng chống dịch	Bộ	61	Phụ sản - P. Khám Sản	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
34	Bộ đồ chống dịch cấp 3(G1L1- CĐT- 2022), Việt Nam	Bộ	389	Kho B2	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)

STT	Tên tài sản/thuốc/vật tư	ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng	Phân loại chất thải	Mã CTNH đề xuất
35	Bộ đồ chống dịch cấp 4 (G1L1- CĐT 2022)	Bộ	1607	Kho B2	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
36	Bộ quần áo chống dịch 7 món [G1L3.2021][HB], Việt Nam	Bộ	643	Kho B2	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
37	Bộ đồ chống dịch cấp 3 [G1L3, 2021], Việt Nam	Bộ	14	Kho VTYT	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
38	Bộ đồ phòng dịch cấp độ 2, Việt Nam	Bộ	2435	Kho VTYT	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
39	Trang phục bảo hộ cấp độ 4 (G1L3 CĐT -2021), Việt Nam	Bộ	29	Kho VTYT	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
40	Set 4- bộ trang phục phòng, chống dịch cấp độ 4 (NT -2022)	Bộ	500	Kho VTYT	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
41	Ổng môi trường bảo quản vận chuyển virus [G2L8.2021] (CĐT) Môi trường vận chuyển vi rút, China	Ổng	928	P. Vật tư	CHẤT THẢI NGUY HẠI (đã xác nhận - Phòng VTYT)	13 01 02
42	Ổng môi trường bảo quản vận chuyển virus [G2L8.2021] (CĐT) Môi trường vận chuyển vi rút, China	Ổng	26062	P. Vật tư	CHẤT THẢI NGUY HẠI (đã xác nhận - Phòng VTYT)	13 01 02
43	Tấm chắn giọt bắn	Bộ	74	Khoa Cấp cứu sản	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
44	Bình làm ấm (tương thích với máy O2FLO, VUN-001) [G1L5.2021], China	Cái	22	Bệnh nhiệt đới	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
45	Gọng thở mũi lưu lượng cao dành cho người lớn size M (tương thích với máy O2FLO, VUN-001) [G1L5.2021], China	Cái	44	Bệnh nhiệt đới	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
46	Ổng thở dành cho người lớn (tương thích với máy O2FLO, VUN-001) [G1L5.2021], China	Cái	47	Bệnh nhiệt đới	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
47	Dây thở cho máy NF5 [G1L5.2021], China	Cái	7	Nội Hô Hấp	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
48	Gọng mũi cho máy NF5, size M, 1 [G1L5.2021], China	Cái	7	Nội Hô Hấp	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
49	Bầu phun khí dung dùng cho máy thở (NT, 2021), Singapore	Cái	285	Kho VTYT	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
50	Bình làm ấm (tương thích với máy O2FLO, VUN-001) [G1L5.2021], China	Cái	41	Kho VTYT	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
51	Dây thở cho máy NF5 [G1L5.2021], China	chiếc	3	Kho VTYT	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
52	Gọng thở mũi lưu lượng cao dành cho người lớn size M (tương thích với máy O2FLO, VUN-001) [G1L5.2021], China	Cái	18	Kho VTYT	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)

STT	Tên tài sản/thuốc/vật tư	ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng	Phân loại chất thải	Mã CTNH đề xuất
53	Khẩu Trang N95 (Anysafe) (G1L8 - CĐT 2021), Việt Nam	Cái	29	Kho B2	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
54	Lọ nhựa đựng phân không có chất bảo quản 50 ml HTM nắp vàng có nhãn, Việt Nam	Cái	104	Kho VTYT	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
55	Mũ bảo hộ trùm đầu	Cái	111	Kho B2	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
56	Mũ bảo hộ trùm đầu (NT, 2021)	Cái	5	Kho B2	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
57	Ống thở dành cho người lớn (tương thích với máy O2FLO, VUN-001) [G1L5.2021], China	Cái	19	Kho VTYT	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
58	Pad tạo nhịp ngoài (NT, 2021), Japan	Bộ	3	Kho VTYT	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
59	Quả lọc hấp phụ một lần HA330(G1L8 - CĐT -2021)	Quả	66	Kho VTYT	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
60	Quả lọc thận nhân tạo, Taiwan	Quả	86	Kho VTYT	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
61	Que tăm bông lấy mẫu dịch tỵ hầu(G1L8.CĐT.2021), Trung Quốc	Cái	4302	Kho VTYT	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
62	Tấm chắn giọt bắn(CĐT- G1L1-2022), Việt Nam	Cái	14063	Kho B2	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
63	Trang phục chống dịch (NT,2020)	Bộ	5	Kho B2	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
64	Dây cài khẩu trang (VT -2021)	Cái	200	Kho VTYT	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
65	Đồ bảo hộ Anyguad (VT -2021)	Bộ	125	Kho VTYT	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
66	Đồ bảo hộ cấp 2 trắng (Viện trợ 2021)	Bộ	20	Kho VTYT	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
67	Đồ bảo hộ cấp 4 (VT -2021)	Bộ	95	Kho VTYT	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
68	Đồ bảo hộ cấp 4(VT -2021)	Bộ	14	Kho VTYT	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
69	Khẩu trang y tế N95 QĐ 666(VT -2022)	Cái	2142	Kho VTYT	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
70	Mặt nạ thở Oxy (VT -2021)	Cái	500	Kho VTYT	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
71	Que tăm bông lấy mẫu dịch tỵ hầu(VT -2021)	Que	22753	Kho VTYT	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
72	Khẩu trang vải COMO (NT,2020)	Cái	55	Kho VTYT	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)

STT	Tên tài sản/thuốc/vật tư	ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng	Phân loại chất thải	Mã CTNH đề xuất
73	Que phết thu mẫu ty hầu [NT, 2021]	Cái	630	Kho VTYT	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
74	Que tăm bông lấy mẫu dịch ty hầu(G1L8.CĐT.2021) (Shandong Chengwu Medical Products Factory, Trung Quốc)	Cái	51000	Vi sinh	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
75	Tăm bông ty hầu (Que phết mũi ty hầu tiết trùng) [G1L5.2021] (ABT, Việt Nam)	Que	49000	Vi sinh	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
76	Tăm bông ty hầu (Que phết mũi ty hầu tiết trùng) [GG][G1L5.2021] (ABT, Việt Nam)	Que	39900	Vi sinh	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
77	Đồ bảo hộ cấp 4 (VT -2021)	Bộ	8	Nội tiêu hóa	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
78	Tấm chắn giọt bắn(CĐT- G1L1-2022), Việt Nam	Cái	38	Nội tiêu hóa	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
79	Tăm bông ty hầu (Que phết mũi ty hầu tiết trùng) [GG][G1L5.2021] (ABT, Việt Nam)	Que	300	Nội tiêu hóa	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT/Khoa Vi sinh)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
80	Bình làm ẩm oxy âm tường (2021)	Cái	20	P. Vật tư	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
81	Khay meca 70x33x7cm (2021)	Cái	5	P. Vật tư	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
82	Máy huyết áp cơ Yamasu (2022)	Cái	1	P. Vật tư	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
83	Ống hút Frazier 5.0mm 19cm (2020)	Cái	4	P. Vật tư	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
84	Bộ máy đo huyết áp tay (2019)	Cái	4	P. Vật tư	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
85	Ổng nghe tim phổi Yamasu (2022)	Cái	1	P. Vật tư	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
86	Nhiệt kế thủy ngân (2021)	Cái	3	P. Vật tư	CHẤT THẢI NGUY HẠI (đã xác định chính thức)	13 03 02
87	Huyết áp cơ Yamasu (vòng bít) (2021)	Cái	2	P. Vật tư	Chất thải rắn thông thường (đã xác nhận - Phòng VTYT)	Không có mã CTNH (không thuộc danh mục CTNH)
88	Máy đo huyết áp bắp tay Omron 7121 (2021)	Bộ	3	P. Vật tư	Hỗn hợp - TÁCH THÀNH 2 DÒNG THẢI SAU KHI THÁO PIN (đã xác nhận có pin + bo mạch)	(1) Pin/ắc quy: CTNH mã 16 01 12 (bắt buộc) (2) Thân máy/bo mạch: mã 16 01 13 (đã xác nhận có bo mạch điện tử)
89	Máy đo nồng độ oxy Beurer PO35 (2021)	Bộ	2	P. Vật tư	Hỗn hợp - TÁCH THÀNH 2 DÒNG THẢI SAU KHI THÁO PIN (đã xác nhận có pin + bo mạch)	(1) Pin/ắc quy: CTNH mã 16 01 12 (bắt buộc) (2) Thân máy/bo mạch: mã 16 01 13 (đã xác nhận có bo mạch điện tử)
90	Máy phun khử khuẩn (2021)	Cái	4	P. Vật tư	Hỗn hợp - TÁCH THÀNH 2 DÒNG THẢI SAU KHI THÁO PIN (đã xác nhận có pin +	(1) Pin/ắc quy: CTNH mã 16 01 12 (bắt buộc) (2) Thân máy/bo mạch: mã 16 01 13 (đã xác

STT	Tên tài sản/thuốc/vật tư	ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng	Phân loại chất thải	Mã CTNH đề xuất
					bo mạch)	nhận có bo mạch điện tử)
91	Máy xông mũi họng Rossmax NA90 (2021)	Bộ	2	P. Vật tư	Hỗn hợp - TÁCH THÀNH 2 DÒNG THẢI SAU KHI THÁO PIN (đã xác nhận có pin + bo mạch)	(1) Pin/ắc quy: CTNH mã 16 01 12 (bắt buộc) (2) Thân máy/bo mạch: mã 16 01 13 (đã xác nhận có bo mạch điện tử)
92	Nhiệt kế đo trán hồng ngoại Microlife FR1MF1 (2021)	Cái	6	P. Vật tư	Hỗn hợp - TÁCH THÀNH 2 DÒNG THẢI SAU KHI THÁO PIN (đã xác nhận có pin + bo mạch)	(1) Pin/ắc quy: CTNH mã 16 01 12 (bắt buộc) (2) Thân máy/bo mạch: mã 16 01 13 (đã xác nhận có bo mạch điện tử)